

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

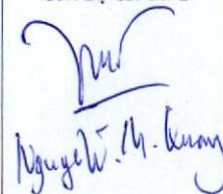
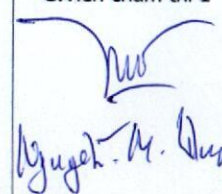
Môn học: **Thực tập kỹ thuật số (228060) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Minh Quang (280011)**

Số SV có mặt: 16.....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi: .....

|                                                                                                         |                  |                                                                                                          |                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br> | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1<br> | G.Viên chấm thi 2 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|--------------------|------------|----------|-------|-------------|-----------|----------|-----------|---------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 2120060069 | PHẠM QUANG BÌNH    | 06/12/2002 | CCQ2006B |       |             |           |          |           | 6,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 2   | 2120060002 | NGUYỄN THÀNH CHUNG | 01/07/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 5,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 3   | 2120170076 | HUỖNH DUY ĐỨC      | 10/08/2002 | CCQ2006B |       |             |           |          |           | 5,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 4   | 2120060007 | PHAN VĂN HẬU       | 16/09/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 9,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 5   | 2120060041 | KHÊ VĂN HIỆP       | 14/04/2002 | CCQ2006B |       |             |           |          |           | 6,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 6   | 2121060035 | ĐẶNG THANH HIẾU    | 17/08/2003 | CCQ2106A |       |             |           |          |           | 7,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 7   | 2120060013 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH  | 15/11/1999 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 7,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 8   | 2120060066 | LÊ PHÚ QUÍ         | 10/10/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 8,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 9   | 2120060017 | DIỆP BẢO QUỐC      | 12/10/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 6,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 10  | 2120060061 | HỖ PHÚ QUYỀN       | 25/07/2002 | CCQ2006B |       |             |           |          |           | 1,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 11  | 2120060019 | NGUYỄN ĐỨC TÂM     | 29/03/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 7,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 12  | 2120060050 | TRẦN VĂN TÂM       | 07/04/2002 | CCQ2006B |       |             |           |          |           | 6,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 13  | 2120170132 | VÕ VĂN TÂM         | 22/03/2002 | CCQ2006B |       |             |           |          |           | 7,5     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 14  | 2120060026 | LÊ TRỌNG TÍN       | 07/07/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           |         | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10           | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 15  | 2120060028 | PHẠM VĂN TOÀN      | 04/10/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 8,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 16  | 2120060030 | VÕ MINH TRÍ        | 15/09/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 5,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 17  | 2120060034 | NGUYỄN VĂN VƯƠNG   | 12/04/2002 | CCQ2006A |       |             |           |          |           | 5,0     | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |